SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0418.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2063.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Quốc Hưng

Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh trạm cấp nước Bình Phong (Võ Thị Hồng Huyên). Tại hộ Nguyễn Thị Quyên - Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 3/11/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 223 - Đ3**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 03/11/2026

Thời gian thử nghiệm : 03/11/2026 - 11/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,69	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,97	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,87	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	370	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	41,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	20,9	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,03	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	6,78	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,29	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	150,8	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Luynh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0418.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2064.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Quốc Hưng

Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh trạm cấp nước Bình Phong (Võ Thị Hồng Huyên). Tại trạm cấp nước - Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 3/11/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 224 - Đ3**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 03/11/2026

Thời gian thử nghiệm : 03/11/2026 - 11/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,69	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,96	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,98	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	380	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	38,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	21,3	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,02	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	6,11	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,27	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	157,7	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0418.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2065.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Quốc Hưng

Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh trạm cấp nước Bình Phong (Võ Thị Hồng Huyên). Tại hộ Nguyễn Văn Thành - Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 3/11/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 225 - Đ3**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 03/11/2026

Thời gian thử nghiệm : 03/11/2026 - 11/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,57	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,03	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	365	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	39,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	21,6	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,03	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	6,25	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,30	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	150,1	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com